

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/DS-ST**

Ngày: 18-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Quỳnh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện N H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 03/5/2024 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án dân sự ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh T B, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Thôn An T, xã H D, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N Ba, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Khu dân cư số 10, thôn An T, xã H D, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh T B trình bày:

Bà Nguyễn Thị N Ba là Tổ trưởng tổ vay vốn, vừa là cán bộ Phụ nữ thôn cùng công tác với ông Huỳnh T B nên bà Ba vay tiền của ông B để đáo hạn Ngân hàng; cụ thể: Lần 1 vào ngày 06/01/2023 ông Huỳnh T B có cho bà Nguyễn Thị N Ba vay mượn số tiền là 40.000.000đ (B mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 02 tháng đến ngày 06/3/2023 phải trả, trả lãi một tháng 2.000.000 đồng, sau khi vay bà Ba đã trả cho ông B được 01 tháng tiền lãi. Lần 2 vào ngày 11/02/2023 bà Nguyễn Thị N Ba vay thêm với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 12 ngày không có lãi. Đến hạn trả nợ nhưng bà Ba không trả và bỏ đi khỏi địa phương nên ông Huỳnh T B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N Ba phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N Ba vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định.

Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 96, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 40, các Điều 463, 465, 466, 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05/5/2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của UBTVQH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh T B. Buộc bà Nguyễn Thị N Ba phải trả cho ông Huỳnh T B số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh T B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N Ba phải trả cho ông số tiền đã vay vào ngày 06/01/2023 âm lịch nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị N Ba có nơi cư trú tại xã H D, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N Ba đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo ông Huỳnh T B trình bày thì vào ngày 06/01/2023 và ngày 11/2/2023, bà Nguyễn Thị N Ba có vay của ông tổng số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), có viết giấy vay tiền với nội dung ông Huỳnh T B cho bà Nguyễn Thị N Ba vay tiền hai lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng, có chữ ký Nguyễn Thị N Ba dưới mục người mượn tiền. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để làm việc và cũng không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án”*. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 06/01/2023 bà Nguyễn Thị N Ba có vay của ông Huỳnh T B số tiền 40.000.000 đồng (B mươi triệu đồng), vay có kỳ hạn và có lãi và ngày 11/2/2023 bà Nguyễn Thị N Ba có vay của ông Huỳnh T B số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), vay có kỳ hạn và không có lãi. Đến hạn trả nợ nhưng bà Ba không trả nên ông Huỳnh T B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N Ba phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là có căn cứ chấp nhận. Đối với phần lãi suất ông B không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N Ba phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[47] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh T B.

Buộc bà Nguyễn Thị N Ba phải trả cho ông Huỳnh T B số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N Ba phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- CCTHADS huyện N H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam

